TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 - HÀ TĨNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập -Tự do -Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2026/HS-ST
Ngày 18/8/2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - HÀ TĨNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Đức Chính.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Bích Soa và ông Nguyễn Quốc Việt.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Hà - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Hà Tĩnh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Hà Tĩnh tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Thu Trà - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Hà Tĩnh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 31/2026/TLST-HS ngày 24 tháng 7 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2026/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 8 năm 2026, đối với các bị cáo:

1. Võ Quốc V; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày: 23/8/2005, tại xã P, tỉnh Hà Tĩnh; Nơi cư trú: Xóm D, xã P, tỉnh Hà Tĩnh; Căn cước công dân số: 042205013165, cấp ngày 05/9/2022; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hoá: lớp 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Võ Tá L và bà Phạm Thị T; Vợ, có: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Không. Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam từ ngày 11/4/2026 đến nay tại Phân trại tạm giam H, Trại tạm giam Công an tỉnh H, có mặt.

2. Phạm Thị T; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nữ; Sinh ngày: 15/10/1984, tại xã P, tỉnh Hà Tĩnh; Nơi cư trú: Xóm D, xã P, tỉnh Hà Tĩnh; Căn cước công dân số: 042184018042, cấp ngày 29/10/2024; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hoá: lớp 09/12; Nghề nghiệp: Nông dân; Con ông Phạm Quang Đ và bà Đinh Thị C; Chồng: Võ Tá L, con: 4 đứa (con đầu sinh năm 2002, con út sinh năm 2013); Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Không. Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, tạm hoãn xuất cảnh từ ngày 16/4/2026 đến nay, có mặt.

- Bị hại:

+ Chị Phạm Thị T1, sinh năm: 1976; nghề nghiệp: Lao động tự do; nghề nghiệp: địa chỉ: Xóm D, xã P, tỉnh Hà Tĩnh, có mặt.

+ Chị Trần Thị N, sinh năm: 1980; nghề nghiệp: Lao động tự do; địa chỉ: Xóm D, xã P, tỉnh Hà Tĩnh, vắng mặt.

+ Bà Cao Thị N1, sinh năm: 1967; nghề nghiệp: Lao động tự do; địa chỉ: Xóm D, xã P, tỉnh Hà Tĩnh, có mặt.

+ Chị Võ Thị M, sinh năm: 1973; nghề nghiệp: Lao động tự do; địa chỉ: Xóm D, xã P, tỉnh Hà Tĩnh, có mặt.

- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Anh Trần Văn H, sinh năm: 1997; nghề nghiệp: Lao động tự do; địa chỉ: Xóm D, xã P, tỉnh Hà Tĩnh, vắng mặt.

+ Chị Trần Thị D, sinh năm: 1992; nghề nghiệp: Lao động tự do; địa chỉ: Xóm D, xã P, tỉnh Hà Tĩnh, vắng mặt.

+ Anh Trần Khâm P, sinh năm: 2000; nghề nghiệp: Lao động tự do; địa chỉ: Xóm D, xã P, tỉnh Hà Tĩnh, vắng mặt.

+ Bà Trần Thị H1, sinh năm: 1969; nghề nghiệp: Buôn bán; địa chỉ: Thôn F, xã H, tỉnh Hà Tĩnh, vắng mặt.

+ Anh Trần Ngọc T2, sinh năm: 1998; nghề nghiệp: Lao động tự do; địa chỉ: Thôn F, xã H, tỉnh Hà Tĩnh, vắng mặt.

+ Anh Nguyễn Tuấn V1, sinh năm: 1994; nghề nghiệp: Dịch vụ cầm đồ; địa chỉ: Thôn A, xã H, tỉnh Hà Tĩnh, vắng mặt.

+ Cháu Võ A N2, sinh năm: 2013; nghề nghiệp: học sinh; địa chỉ: Xóm D, xã P, tỉnh Hà Tĩnh, có mặt.

Người đại diện hợp pháp của cháu Võ A N2: Anh Võ Tá L, sinh năm: 1977; nghề nghiệp: Lao động tự do; địa chỉ: Xóm D, xã P, tỉnh Hà Tĩnh, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 09/4/2026, Võ Quốc V xin tiền mẹ là Phạm Thị T để vào thành phố H xin việc làm nhưng Phạm Thị T không có. Thời gian này Võ Quốc V cùng Phạm Thị T đang vay mượn tiền tại các ngân hàng và các công ty tín dụng nhưng không có tiền để trả nợ, Võ Quốc V đã bàn bạc với Phạm Thị T về việc đưa ra thông tin gian dối, tạo niềm tin cho những người họ hàng để họ cho mượn xe mô tô. Sau khi mượn được xe thì V và T đem bán hoặc cầm cố lấy tiền sử dụng cá nhân hết, cụ thể như sau:

- Lần thứ nhất: Khoảng 13 giờ ngày 09/4/2026, Phạm Thị T đến nhà chị Phạm Thị T1, nói dối với chị T1: *Cho mượn xe để chở V ra thị trấn bắt xe đi vào Huế xin việc làm*. Chị Phạm Thị T1 tin tưởng, đồng ý cho Phạm Thị T mượn chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Wave Alpha, màu trắng-đen-bạc, biển kiểm soát 38P1-674.27, chủ xe là anh Trần Văn H, là con trai của chị Phạm Thị T1, còn giấy đăng ký xe Thiết đang giữ vì trước đó đã từng mượn xe của chị T1. Hội đồng định giá tài sản định xe giá 9.833.000 đồng. Sau khi mượn được xe mô tô, Phạm Thị T

điều khiển xe đi về nhà đưa xe cho Võ Quốc V. Sau đó, V điều khiển xe mô tô nói trên chở T đi đến cửa hàng mua bán xe mô tô cũ H do bà H1 làm chủ, để cầm cố xe mô tô lấy tiền. Phạm Thị T đứng chờ ngoài đường Võ Quốc V đi vào cửa hàng trực tiếp giao dịch, cầm cố xe với bà Trần Thị H1. V nói với bà H1: *Xe mô tô của V mua lại từ người khác*. Bà H1 không nhận cầm cố mà chỉ nhận mua bán xe nên V đồng ý bán chiếc xe mô tô nêu trên. Sau khi kiểm tra phương tiện và giấy đăng ký xe, bà H1 đồng ý mua giá 10.000.000 đồng, hai bên viết giấy mua bán. Bà H1 nói với V: *Trong vòng 10 ngày nếu cần vẫn chuộc lại được xe*. Sau đó, bà H1 chuyển 10.000.000 đồng tiền mua xe vào tài khoản 0916 637 785, ngân hàng Thương mại cổ phần Q (M2) của Võ Quốc V. Sau khi nhận được tiền V sử dụng điện thoại di động hãng OPPO A76 của T đăng nhập vào tài khoản Ngân hàng MB của mình chuyển số tiền 6.000.000 đồng vào số tài khoản 9636 9919 2801 141 787, ngân hàng Thương mại cổ phần Đ1 (B), tên tài khoản "GVA BO THANH", để thực hiện giao dịch mua bán các loại tiền ảo trên ứng dụng OKX. Sau đó, V chuyển 4.000.000 đồng còn lại đến số tài khoản 1059 7920 8359, ngân hàng Thương mại cổ phần C2 (V3) của Phạm Thị T, rồi tiếp tục sử dụng điện thoại di động của Phạm Thị T đăng nhập tài khoản V3 của T, chuyển 6.000.000 đồng (bao gồm 2.000.000 đồng có sẵn trong tài khoản T) vào số tài khoản 9636 9919 2801 142 163, ngân hàng B, mang tên GVA HOANG DIEU AI, để thực hiện giao dịch mua bán các loại tiền ảo trên ứng dụng OKX.

- ***Lần thứ hai:*** Sau khi về nhà, T sử dụng điện thoại di động của Võ A N2 (con gái T) để nhắn tin với V bàn việc tiếp tục mượn xe để mang đi cầm cố. Đến khoảng 19 giờ 00 phút, ngày 09/4/2026, Phạm Thị T đến nhà chị Trần Thị N, là chị họ của T và nói dối mượn xe đi ra H lấy xe chị T1, xe chị T1 hỏng đang sửa ngoài xã H và lấy lý do sợ Công an kiểm tra nên mượn cả giấy chứng nhận đăng ký xe. Chị N tin tưởng đã giao cho T chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Wave-S, màu trắng - đen, biển kiểm soát 38B1-052.18 và đăng ký xe mang tên Nguyễn Văn C1 (xe này chị N mua lại của anh C1 vào đầu tháng 4/2026 nhưng chưa làm thủ tục chuyển quyền sở hữu theo quy định). Hội đồng định giá tài sản định xe giá 7.000.000 đồng. Sau khi mượn được xe, T sử dụng điện thoại và tài khoản facebook của Võ A N2 nhắn tin cho V: *"Lên đây cửa o M1"*, rồi điều khiển xe lên chỗ hẹn để đón V. Sau đó, V tiếp tục điều khiển chiếc xe trên chở T ra cửa hàng mua bán xe máy cũ Hải V2 để bán. Bà H1 hỏi về nguồn gốc xe thì V trả lời xe mua lại từ người khác. Sau khi kiểm tra phương tiện, giấy đăng ký xe, hai bên thống nhất giá 4.000.000 đồng và lập giấy mua bán. Do tài khoản hết tiền bà H1 đã nhờ con trai là Trần Ngọc T2 chuyển số tiền trên vào tài khoản 105979208359, ngân hàng V3 của T. Nhận được tiền, V sử dụng điện thoại di động của bà T đăng nhập vào ứng dụng ngân hàng V3 và chuyển số tiền chuyển 4.000.000 đồng vào số tài khoản 24270571, ngân hàng Thương mại cổ phần Á, mang tên Luong Van D1, để thực hiện giao dịch mua bán các loại tiền ảo trên ứng dụng OKX.

- ***Lần thứ ba:*** Sau khi sử dụng hết số tiền bán xe của chị N, V và T bàn bạc tiếp tục mượn xe mang đi cầm cố lấy tiền nên sáng ngày 10/4/2026, sau khi khi chở con đi học về, T đi sang nhà bà Cao Thị N1, là mự của T và nói dối với bà

N1: *"Cho mượn xe máy để đi ra ngân hàng",* lấy lý do sợ Công an kiểm tra để hỏi mượn cả giấy chứng nhận đăng ký xe. Bà N1 tin tưởng giao chiếc xe máy nhãn hiệu Honda, loại Vision, màu đỏ - nâu - đen, biển kiểm soát 38P1-200.43, cùng giấy đăng ký xe mang tên Trần Thị D (con gái bà N1) cho T, xe Hội đồng định giá tài sản giá 14.833.000 đồng. Sau đó T điều khiển xe đến hội quán xóm D, xã P đưa cho Võ Quốc V, rồi V chở T ra cửa hàng C3 (thôn C, xã H, tỉnh Hà Tĩnh) do Nguyễn Tuấn V1 làm chủ, để cầm cố xe. T nói với Tuấn V1: *"Đây là xe của T mua lại của người khác và cần tiền để đảo khế ngân hàng nên muốn cầm chiếc xe"*. V1 tin tưởng và đồng ý cầm cố chiếc xe giá 8.000.000 đồng, không làm hợp đồng cầm cố. Sau đó, Võ Quốc V cầm tiền đến quán H2 nhờ Trần Ngọc T2 chuyển 7.000.000 đồng vào tài khoản 105979208359 ngân hàng V3 của T. V sử dụng điện thoại của T đăng nhập vào tài khoản ngân hàng V3 chuyển 7.000.000 đồng vào số tài khoản 963699192801160571, chủ tài khoản "GVA CHU LUC CAO THONG" ngân hàng B để thực hiện giao dịch mua bán các loại tiền ảo trên ứng dụng Binance, còn 1.000.000 đồng V đưa cho T, sử dụng để chi trả tiền ăn uống và taxi đi lại.

- ***Lần thứ tư:*** Khoảng 13 giờ ngày 10/4/2026, V tiếp tục bàn bạc với T để mượn xe để cầm cố. T đến nhà chị Võ Thị M nói dối: *"Cho mượn xe máy đi ra ngân hàng vay lãi"* và nói sợ Công an kiểm tra để hỏi mượn giấy đăng ký xe. Chị M tin tưởng giao chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Wave A, màu đen - bạc, biển kiểm soát 38B1-235.91 và giấy đăng ký xe mang tên Trần Khâm P (con trai chị M) cho T. Hội đồng định giá tài sản định xe giá 8.833.000 đồng. Sau khi mượn được xe, T điều khiển chiếc xe đến quán bà Trần Thị H1 và đưa xe cho V để bán. V vào trực tiếp giao dịch với bà H1 và nói đây là xe mô tô của V mua lại từ người khác, sau khi kiểm tra phương tiện và giấy đăng ký, hai bên thống nhất giá 12.000.000 đồng và lập giấy mua bán. Bà Trần Thị H1 chuyển số tiền trên vào số tài khoản 105979208359, ngân hàng V3 của Phạm Thị T. Nhận được tiền, V sử dụng điện thoại của T đăng nhập vào tài khoản ngân hàng và chuyển 8.000.000 đồng vào số tài khoản 9607398, ngân hàng Thương mại cổ phần Á, tên tài khoản NGUYEN AN HUY và 4.000.000 đồng vào số tài khoản 000004255823, ngân hàng Thương mại cổ phần V4, tên tài khoản PHAN VAN ANH, để giao dịch mua bán các loại tiền ảo trên ứng dụng OKX.

Ngày 11/4/2026, không thấy Phạm Thị T đến trả xe mô tô đã mượn, chị Võ Thị M đã làm đơn tố giác tội phạm đến Công an xã P, tỉnh Hà Tĩnh. Công an xã P đã triệu tập Phạm Thị T đến làm việc, T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Sau đó, Võ Quốc V cũng đến Công an xã P đầu thú hành vi phạm tội của mình.

Bốn chiếc xe trên Cơ quan cảnh sát điều tra đã thu hồi trả lại cho bị hại.

Tại bản cáo trạng số 41/CT-VKS-KV ngày 23/7/2026 Viện kiểm sát khu vực 4 - Hà Tĩnh đã truy tố Võ Quốc V và Phạm Thị T về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo khoản 1 điều 174 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà Đại diện Viện kiểm sát luận tội giữ nguyên quan điểm như cáo trạng đã truy tố và đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; 58; Điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt Võ Quốc V từ 18 đến 24 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam (ngày 11/4/2026).

Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; 58; 38; 65 Bộ luật hình sự xử phạt Phạm Thị T từ 18 đến 24 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 36 đến 48 tháng. Ngoài ra đề nghị xử lý vật chứng theo quy định.

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến tranh luận. Lời nói sau cùng, các bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh H, Điều tra viên, Viện kiểm sát khu vực 4 - Hà Tĩnh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác xuất trình tài liệu chứng cứ phù hợp với quy định của pháp luật; Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của các bị cáo là thống nhất và phù hợp với lời khai của bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, phù hợp các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã tranh tụng tại phiên tòa, có đủ căn cứ xác định: Từ ngày 09/4/2026 đến ngày 10/4/2026, tại xã P, tỉnh Hà Tĩnh, Võ Quốc V và Phạm Thị T với mục đích chiếm đoạt tài sản, lợi dụng mối quan hệ anh em họ hàng, làng xóm đưa ra các thông tin gian dối để mượn xe mô tô của chị Phạm Thị T1, chị Trần Thị N, bà Cao Thị N1, chị Võ Thị M; Các bị cáo đã 04 thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản 04 xe mô tô, có tổng giá trị 40.499.000 đồng. Do đó, Võ Quốc V và Phạm Thị T đã phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 điều 174 Bộ luật hình sự.

[3] Mỗi lần các bị cáo thực hiện hành vi chiếm đoạt đủ yếu tố cấu thành tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Vì vậy, các bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "Phạm tội 02 lần trở lên" quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[4] Các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: "Người phạm tội thành khẩn khai báo", "Bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt" quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Phạm Thị T còn được

hưởng thêm tình tiết: "Người phạm tội tự nguyện khắc phục hậu quả" quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Võ Quốc V được hưởng thêm tình tiết "Đầu thú", quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Xét tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội,vai trò, nhân thân của các bị cáo thấy rằng: Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trong 2 ngày 09 và 10/4/2026 các bị cáo lợi dụng lòng tin của người thân quen đã chiếm đoạt 4 lần liên tiếp, thực hiện hành vi phạm tội chiếm đoạt hơn 40.000.000 đồng, cần xử phạt các bị cáo mức án nghiêm minh. Bị cáo V là người khởi xướng, là người trực tiếp 3 lần thực hiện hành vi tiêu thụ tài sản, người hưởng lợi nhiều nhất nên giữ vai trò chính, bị cáo T là người trực tiếp thực hiện hành vi chiếm đoạt 4 chiếc xe giữ vai trò đồng phạm thực hành tích cực và cùng với bị cáo V tiêu thụ 1 xe nên xét bị cáo mức án tương xứng. Căn cứ tính chất, mức độ phạm tội và vai trò, nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ cần xử phạn cách ly bị cáo V ra khỏi đời sống xã hội một thời gian. Hai bị cáo là mẹ con ruột nên xét tính nhân văn, khoan hồng của pháp luật, căn cứ 65 Bộ luật hình sự không cần cách ly bị cáo T, cho bị cáo Phạm Thị T được hưởng án treo.

[6] Theo quy định tại khoản 5 Điều 174 Bộ luật hình sự các bị cáo có thể bị phạt bổ sung phạt tiền. Tuy nhiên, các bị cáo nghề nghiệp, thu nhập không ổn định. Vì vậy, không áp dụng hình phạt bổ sung.

[7] Xét luận tội và đề nghị của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát là đúng người, đúng tội, về mức án là phù hợp.

[8] Quá trình điều tra xác định bà Trần Thị H1 và anh Nguyễn Tuấn V1 không biết xe mô tô là tài sản do phạm tội mà có, Cơ quan cảnh sát điều tra không đề cập hình thức xử lý là phù hợp.

[9] Về dân sự: Phạm Thị T đã tự nguyện bồi thường cho bị hại Phạm Thị T1 2.000.000 đồng; bồi thường cho bà Trần Thị H1 26.000.000 đồng, Nguyễn Tuấn V1 số tiền 8.000.000 đồng, những người này không ai yêu cầu bồi thường thêm, miễn xét. Số tiền trên bị cáo T không yêu cầu bị cáo V1 phải thực hiện nghĩa vụ cho bị cáo miễn xét. Sau này có tranh chấp được giải quyết bằng một vụ án khác.

[10] Về xử lý vật chứng:

[10.1] Xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại VISION, màu đỏ-nâu-đen, biển kiểm soát 38B1-200.43 chủ sở hữu là chị Trần Thị D; xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại WAVE ALPHA, màu trắng-đen-bạc, biển kiểm soát 38P1-674.27 chủ sở hữu là anh Trần Văn H; xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại WAVE S, màu trắng-đen, biển kiểm soát 38B1-052.18 chủ sở hữu là bà Trần Thị N; xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại WAVE A, màu đen - bạc, biển kiểm soát 38B1-235.91 chủ sở hữu là anh Trần Khâm P. Cơ quan điều tra, đã trả lại 04 chiếc xe mô tô nói trên cho các chủ sở hữu hợp pháp.

[10.2] 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A76 màu đen, tài sản của Phạm Thị T là công cụ, phương tiện phạm tội theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự tịch thu

sung nộp ngân sách Nhà nước. 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6, màu vàng Gold là tài sản của Võ A N2, T và V1 sử dụng làm phương tiện liên lạc trong quá trình thực hiện hành vi phạm tội nhưng cháu N2 không biết nên căn cứ khoản 1, điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự trả lại điện thoại cho cháu Võ A N2 (Hiện nay vật chứng được bảo quản tại Phân trại tạm giam H3, Trại tạm giam Công an tỉnh H).

[11] Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Đối với bị cáo Võ Quốc V căn cứ khoản 1 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; 58; Điều 38 Bộ luật hình sự;

Đối với bị cáo Phạm Thị T căn cứ khoản 1 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; 58; Điều 38; khoản 1, khoản 2 Điều 65 Bộ luật hình sự;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 1, điểm a khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 136; các Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Võ Quốc V và Phạm Thị T phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Võ Quốc V 18 (Mười tám) tháng tù, thời hạn tù tình từ ngày bị bắt tạm giữ tạm giam (ngày 11/4/2026).

Xử phạt bị cáo Phạm Thị T 18 (Mười tám) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 36 (Ba mươi sáu) tháng kể từ ngày tuyên án.

Giao Phạm Thị T cho UBND xã P, tỉnh Hà Tĩnh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 87 và Điều 66 của Luật thi hành án hình sự.

3. Về xử lý vật chứng: Tịch thu nộp Ngân sách Nhà nước của Phạm Thị T 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A76, màu đen, số IMEI1 869571059235473, số IMEI2: 869571059235465 gắn thẻ sim số 0398368324, 0387948705, đã qua sử dụng; trả lại cho cháu Võ A N2 01 chiếc điện thoại di

động nhãn hiệu Iphone 6, màu vàng Gold, có số IMEI 359264061711981, không gắn thẻ sim, đã qua sử dụng (Vật chứng hiện đang được bảo quản tại Kho vật chứng Phân trại tạm giam H, Trại tạm giam Công an tỉnh H).

4. Về án phí: Buộc các bị cáo Võ Quốc V và Phạm Thị T, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan trực tiếp quyền lợi, nghĩa vụ của mình đối với người có mặt trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người vắng mặt trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND Khu vực 4 - Hà Tĩnh;
- Công an tỉnh Hà Tĩnh;
- Phòng PC 10 CA tỉnh Hà Tĩnh;
- Phòng PV 06 CA tỉnh Hà Tĩnh;
- Trại tạm giam CA tỉnh Hà Tĩnh:
- THADS tỉnh Hà Tĩnh;
- THA hình sự;
- Bị cáo; bị hại; người có QL, NV liên quan;
- Lưu HSVA - VPTA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Đức Chính

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM:

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Bích Soa **Nguyễn Quốc Việt** **Trần Đức Chính**